

MÔ HÌNH NGƯỜI GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC TRONG NỀN GIÁO DỤC ĐIỆN TỬ

*Ngô Tú Thành**

Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) đã thâm nhập và làm thay đổi căn bản nội dung, công cụ, phương pháp, hình thức và hiệu quả lao động. Việc ứng dụng ICT trong giáo dục tất yếu hình thành mô hình "giáo dục điện tử". Bài viết này phân tích ICT đã làm thay đổi sâu sắc nội dung, phương pháp, hình thức dạy học và quản lý giáo dục như thế nào. Từ đó xây dựng mô hình mới về người giảng viên đại học trong nền "giáo dục điện tử". Chiến lược đào tạo con người nói chung, xây dựng mô hình mới về người giảng viên đại học nói riêng là đề tài thuộc tầm vĩ mô, là mối quan tâm của Đảng, nhà nước và ngành giáo dục nước ta. Do vậy bài viết chỉ là vài nét "chấm phá" của cá nhân về mô hình người thầy "vừa hồng vừa chuyên" trong thời đại internet, nên còn mang khá nhiều yếu tố chủ quan của người trình bày. Qua bài viết này tác giả muốn chia sẻ với các đồng nghiệp trong cả nước để cùng nhau hoàn thiện hơn nữa mô hình người giảng viên đại học Việt Nam hiện nay.

Hình ảnh của Thầy giáo với phấn trắng, bảng đen khắc sâu trong tâm trí bao thế hệ học trò. Tuy nhiên, ngày nay do tốc độ phát triển như vũ bão của các ngành khoa học kỹ thuật, sự bùng nổ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) đặc biệt là khả năng ứng dụng internet trong giáo dục, nên điều kiện học tập đã khác trước, do đó nhận thức về người thầy trong nhà trường nói chung và trung, đại học nói riêng cũng ít nhiều thay đổi. Nội dung bài báo này tập trung đưa ra các cơ sở lý luận cho việc xây dựng mô hình mới về người thầy đại học, để từ đó định hướng các giảng viên phấn đấu theo mô hình chuẩn nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học hiện nay.

1. Cơ sở khoa học của việc xây dựng mô hình người giảng viên đại học hiện nay

Bùng nổ tiến bộ khoa học kỹ thuật trong

các lĩnh vực ICT đã làm cho lượng thông tin tăng theo cấp số nhân, nhu cầu thông tin của mỗi người, mỗi tổ chức tăng theo cấp số mũ và tốc độ truyền tin tăng lên theo lũy thừa của lũy thừa... dẫn đến bùng nổ thông tin trên phạm vi toàn thế giới, loài người bước vào nền văn minh thông tin mà ở đó mọi hoạt động của từng người và từng tổ chức xã hội đều trải qua 3 giai đoạn 1) Thu thập thông tin, 2) Xử lý thông tin và 3) Ra quyết định hoạt động hoặc giải quyết vấn đề.

Nhờ có sự hỗ trợ của ICT mà tri thức của loài người tính trung bình cứ sau 7 năm thì tăng gấp đôi. Vì vậy, sau 4 năm đại học, kiến thức của 2 năm đầu đã lạc hậu 50%. Riêng lĩnh vực ICT, trung bình cứ khoảng 18-24 tháng, một công nghệ mới lại ra đời làm thay đổi phương thức và tập quán làm việc của nguồn nhân lực ICT. Những kiến thức của sinh viên ngành ICT được trang bị ở những năm đầu đại học nhanh chóng trở thành lạc hậu khi sinh viên đó ra trường. Thêm vào đó,

* TS. Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

sau khi ra trường vài năm, nếu không được đào tạo bồi dưỡng thêm, mỗi lao động lại bị chính ngành ICT đào thải. Như vậy chính sự bùng nổ khoa học trong lĩnh vực ICT kéo theo sự *bùng nổ thông tin* làm đảo lộn mục tiêu giáo dục đại học mà cốt lõi là chuyển từ *chủ yếu đào tạo kiến thức và kỹ năng* sang *chủ yếu đào tạo năng lực*. Do đó ai muốn tồn tại trong xã hội thông tin *không chỉ học khi còn đi học mà còn phải học cả khi đã đi làm và lúc đã nghỉ hưu- học suốt đời*, tạo dựng nên một *xã hội học tập* mới.

Với thông tin đã được số hoá và nối mạng, con người có thể tích hợp thông tin trong những “kho tin” khổng lồ được liên kết tích hợp với nhau, biến chúng thành nguồn tài nguyên quý giá, có thể chia sẻ, trao đổi thông tin trên phạm vi toàn cầu một cách dễ dàng thông qua Internet trong một khoảng thời gian. Như vậy, có thể nói ICT làm thay đổi môi trường dạy học, tác động mạnh mẽ tới mọi thành tố của quá trình quản lý, giảng dạy, đào tạo và học tập dựa trên sự hỗ trợ của hệ thống các phần mềm ứng dụng, website và hạ tầng công nghệ thông tin đi kèm.

ICT tạo ra một môi trường giáo dục mang tính tương tác cao thay thế phương pháp truyền thống “thầy đọc, trò chép”, học sinh được khuyến khích và tạo điều kiện để chủ động tìm kiếm tri thức, sắp xếp hợp lý quá trình tự học tập, tự rèn luyện của bản thân mình. Những phương pháp dạy học theo cách tiếp cận kiến tạo, phương pháp dạy học theo dự án, dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề càng có nhiều điều kiện để ứng dụng rộng rãi. Các hình thức dạy học như dạy học đồng loạt, dạy theo nhóm, dạy cá nhân cũng có những đổi mới trong môi trường ICT. Chẳng hạn, cá nhân làm việc tự lực với máy tính, với Internet, dạy học theo hình thức lớp

học phân tán qua mạng, dạy học qua cầu truyền hình.

Nếu trước kia người ta nhấn mạnh tới phương pháp dạy sao cho học sinh nhớ lâu, dễ hiểu, thì nay nhờ hỗ trợ của ICT, trọng tâm của phương pháp là hình thành và phát triển cho học sinh các phương pháp học chủ động, chú trọng đặc biệt đến phát triển năng lực sáng tạo của học sinh, thực chất là chuyển từ “lấy giáo viên làm trung tâm” sang “lấy học sinh làm trung tâm”.

Ưu điểm nổi bật của phương pháp dạy học bằng ICT so với phương pháp giảng dạy truyền thống là những thí nghiệm, tài liệu được cung cấp bằng nhiều kênh: kênh hình, kênh chữ, kênh âm thanh sống động làm cho học sinh dễ thấy, dễ tiếp thu và bằng suy luận có lý, học sinh có thể có những dự đoán về các tính chất, những quy luật mới. Đây là một công dụng lớn của ICT trong quá trình đổi mới phương pháp dạy học. Có thể khẳng định rằng, môi trường ICT chắc chắn sẽ có tác động tích cực tới sự phát triển trí tuệ của học sinh và điều này làm nảy sinh những lý thuyết học tập mới.

Việc ứng dụng các phương tiện thông tin điện tử hiện đại trong dạy và học đã làm xuất hiện khái niệm mới là “học tập điện tử” hay e-learning mà Internet là một yếu tố cấu thành trong phương pháp mới này. “Ai cũng được học hành” là một trong những mong muốn tốt bậc mà Hồ Chủ tịch lúc sinh thời đã từng nói. Nếu áp dụng hiệu quả, e-learning sẽ biến giấc mơ “ai cũng được học hành ở mọi nơi, mọi lúc và học suốt đời” thành hiện thực. Việc giảm giá truy cập Internet đã tới mức thấp hơn các nước trong khu vực ASEAN+3, kết hợp với triển khai các công nghệ Internet băng rộng và không dây sẽ tiếp tục tạo môi trường hạ tầng cơ sở thuận lợi cho việc áp dụng e-learning một

cách hiệu quả ở các trường đại học.

Tóm lại những tiến bộ khoa học công nghệ ICT đang làm *thay đổi phương pháp dạy và phương pháp học* đại học một cách sâu sắc bao gồm: Chuyển từ lấy việc dạy làm trọng tâm sang *lấy việc học làm trọng tâm*; Chuyển từ việc chú trọng dạy kiến thức - kỹ năng sang *chú trọng dạy năng lực*; Chuyển từ việc đào tạo tập trung sang *đào tạo không tập trung*.

2. Vị thế của người thầy đại học trong thời đại ICT

2.1. Mối quan hệ giữa chương trình đào tạo và thầy giỏi

Giảng viên đại học ngày nay không còn là người truyền thụ kiến thức mà là người hỗ trợ sinh viên tìm kiếm thông tin . . . Do có sự thay đổi đó nên có ý kiến hạ thấp vai trò của người thầy và cho rằng ngày nay chương trình đào tạo là yếu tố quyết định nhất đối với chất lượng đại học. Nếu quan niệm như vậy thì khi copy chương trình đào tạo của một trường nổi tiếng ở nước ngoài để đưa vào Việt Nam áp dụng mà không có thầy giỏi để triển khai thì liệu có thể thực hiện được chương trình đó và liệu có thể nâng cao chất lượng đào tạo ở bậc đại học trong nước không? Các nước tiên tiến đặt tất cả uy tín, danh tiếng của một trường đại học vào việc xây dựng một đội ngũ giảng dạy có chất lượng, trình độ cao. Chỉ cần biết có bao nhiêu giáo sư nổi tiếng dạy ở một trường là đủ đánh giá trường đó chất lượng như thế nào, vì có nhiều thầy giỏi thì mới có chương trình đào tạo tốt. Nếu không có thầy giỏi thì dù chương trình đào tạo hay cơ sở vật chất, phương tiện ICT, mạng internet của trường có hiện đại đến đâu cũng không thể có chất lượng đào tạo tốt. Tóm lại dù ICT có hiện đại đến mức nào, thì Giảng viên giỏi vẫn là nhân tố quyết định nhất đối với hiệu quả

giáo dục trong trường đại học hiện đại. Trong thời đại internet, muốn học tốt càng phải có thầy giỏi. Có thầy giỏi thì tránh được những đường vòng không cần thiết và đỡ mất công mò mẫm tìm hướng đi giữa các “rừng” kiến thức. Câu tục ngữ Việt Nam “không thầy đố mày làm nên” luôn “sống mãi theo thời gian” và càng có ý nghĩa hơn trong thời đại internet. Chỉ khi sinh viên ra trường tương đối “đu lông đủ cánh” thì tự học mới thật sự “cất cánh” theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng.

2.2 Vai trò của giảng viên trong việc hướng dẫn sinh viên tìm kiếm thông tin

Nhà tin học người Đức Rudolf Brand từng nói: “Hàng ngày bạn tiếp thu các kiến thức trên Radio, trên Tivi, trong rạp chiếu phim, trên báo chí, trên các trang Web của internet, v.v... ấy vậy mà bạn vẫn cứ quen một lối mòn hàng nghìn năm nay là muốn có kiến thức chúng ta phải đến trường và học với một ông thầy bằng da bằng thịt cụ thể nào đó. Có những công nghệ vượt rất xa, nhưng thói quen của con người thì lại khó vứt bỏ...”. Rudolf Brand đề cao vai trò của ICT trong việc thay đổi cách học và người học có thể học dựa trên ICT thay cho việc phải đến trường. Mới nghe như vậy nhiều người hiểu nhầm Rudolf Brand đang hạ thấp vai trò của người thầy? Nhưng internet là biển thông tin vô tận liệu người học có biết cần học cái gì không nếu không có người thầy bằng da bằng thịt hướng dẫn? William R. Brody, Chủ tịch Đại học Johns Hopkins (Mỹ) đã nói: “The paradox of our times is that we are inundated by information yet starved for knowledge” (Nghịch lý của thời đại chúng ta đó là chúng ta bội thực thông tin mà vẫn đói tri thức). Quả vậy, internet như một thư viện trực tuyến và phân tán khổng lồ, chúng ta hàng ngày hàng giờ có

thể lướt trên biển cả thông tin bao la đó, ngón ngấu đủ loại thông tin đến bội thực, vậy mà nhiều lúc vẫn dói tri thức chỉ vì chúng ta không có thấy hướng dẫn khai phá thông tin. Trở lại với nhận định của Rudoft Brand ở trên, chúng ta phải hiểu nhận định đó không phủ nhận vai trò của người thầy, ở đây tác giả muốn nhấn mạnh người học không nhất thiết phải đến lớp (mặt giáp mặt) với thầy mà có thể học với thầy qua mạng internet, hoặc tự học dựa trên phương tiện là mạng viễn thông internet có thấy hướng dẫn. Trong bề kiến thức bao la, người học phải tùy chọn nội dung học riêng cho mình, như vào siêu thị để mua hàng. Họ rất cần được giúp đỡ của giảng viên trong học tập, cần phương pháp tìm kiếm thông tin hơn là thông tin, muốn tiếp thu phương pháp tìm kiếm chân lý hơn là chân lý.

2.3 Vị thế của người giảng viên.

Mục tiêu quan trọng nhất của việc giảng dạy ở đại học là dạy cách học cho sinh viên. Sự bùng nổ thông tin khiến vòng đời của sách giáo khoa và giáo trình đã phải rút ngắn, nếu không sẽ bị coi là lạc hậu và phản tác dụng. Trong tình hình này, giảng viên không còn độc quyền và ngày càng mất vị trí độc tôn là cầu nối chính của khối lượng tri thức vô cùng tận với người học. Đội ngũ giảng viên trong các trường học được thay bằng nguồn tri thức đưa lên mạng. Nguồn tri thức này được thể hiện dưới nhiều dạng, trong đó việc soạn các phần mềm nội dung là một khía cạnh chính. Hình ảnh người thầy trước đây với phấn trắng bảng đen (một nghề lao động có mức độ ô nhiễm cao) sẽ được thay thế bằng hình ảnh người thầy điều khiển đàn máy tính để các dòng chữ (với nhiều kiểu dáng, kích thước và màu sắc khác nhau) xuất hiện một cách logic trên màn ảnh theo tiến trình của bài giảng. Và do vậy,

người Thầy trong thời đại hiện nay đã có một vị trí mới, cao hơn, khó khăn bội phần, phải luôn làm mới mình và luôn ở bên cạnh người học (hiểu theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng) để giúp người học chiếm lĩnh, giúp người học tự đào tạo.

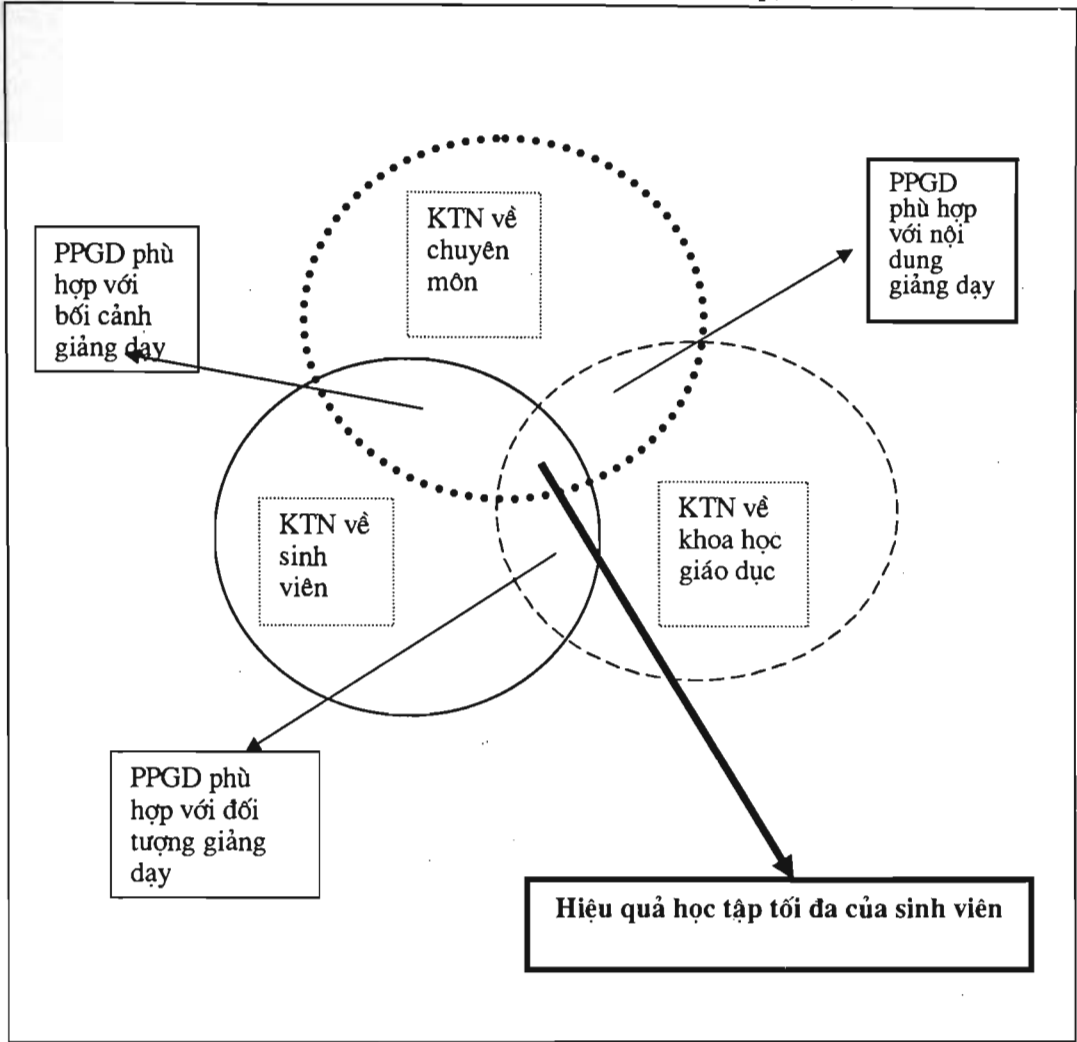
Đảng và nhà nước ta cũng đánh giá rất cao vị thế của giảng viên đại học trong thời đại internet. Nhân ngày 20/11/1998, Nguyên Tổng bí thư Lê Khả Phiêu đã nói: *"Trong thời đại hiện nay, thời đại bùng nổ thông tin, thời đại tiến bộ như vũ bão của khoa học và công nghệ, thời đại mà nhân loại đang tiến vào một nền văn minh trí tuệ, làm thế nào có thể chiếm được một chỗ xứng đáng trên bục giảng của trường đại học nếu không thích nghi và hòa nhập được vào biển cả thông tin đó? Đảng và nhân dân đặt kỳ vọng rất lớn vào đội ngũ cán bộ giảng dạy đại học và các thế hệ sinh viên đại học, lực lượng xung kích chiếm lĩnh trận địa tri thức khoa học và công nghệ để góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"*.

3. Mô hình người giảng viên đại học của một số nước phát triển

Trong cuốn *Những giảng viên giỏi nhất nước Mỹ làm gì để dạy tốt?* Bain (2004) mô tả phương pháp giảng dạy của bằng cách trả lời tường minh 6 câu hỏi sau:

1. Giảng viên giỏi hiểu biết những điều gì?
2. Giảng viên chuẩn bị bài giảng như thế nào?
3. Giảng viên đòi hỏi gì ở sinh viên của mình?
4. Giảng viên làm gì trong lúc dạy?
5. Giảng viên đối xử với sinh viên như thế nào?
6. Giảng viên theo dõi sự tiến bộ và đánh giá nỗ lực học tập của sinh viên bằng cách nào?

Hình 1. Mô hình 3K3P (Kolís & Dunlap, 2004)



Kolis và Dunlap (2004) đưa ra mô hình 3K3P, trong đó 3K là ký hiệu bao gồm 3 khối kiến thức nền (KTN) mà mỗi giảng viên cần có, đó là kiến thức về lĩnh vực chuyên môn, kiến thức về sinh viên và kiến thức về khoa học giáo dục.

3P là 3 phương pháp sư phạm - những biện pháp và qui trình giảng dạy mà giảng viên sử dụng để giúp học sinh dễ dàng tiếp thu kiến thức - thực chất là quy trình tương tác của 3 khối KTN:

a. Phương pháp giảng dạy phù hợp với đối tượng giảng dạy thông qua việc kết hợp

và ứng dụng KTN về sinh viên và quá trình học tập.

b. Phương pháp giảng dạy phù hợp với nội dung giảng dạy thông qua việc kết hợp và ứng dụng KTN về nội dung môn học và quá trình học tập.

c. Phương pháp giảng dạy phù hợp với bối cảnh giảng dạy thông qua việc kết hợp và ứng dụng KTN về sinh viên và nội dung môn học.

Giảng viên giỏi là người biết kết hợp nhuần nhuyễn 3 khối KTN (3K) và 3 phương pháp sư phạm (3P) để tối ưu hóa

việc tiếp thu kiến thức của sinh viên. Hoạt động học tập đó được minh họa bằng phần hình giao thoa của 3K và 3P ở ngay giữa biểu đồ trên.

Những yêu cầu về giảng dạy phụ thuộc vào hoàn cảnh, môi trường giáo dục. Trong thời đại ICT, môi trường giáo dục đang thay đổi nhanh chóng làm cho vai trò và nhiệm vụ của giảng viên cũng trở nên ngày càng phức tạp và có đòi hỏi cao hơn. Lối suy nghĩ truyền thống chỉ chú ý đến hoạt động trong lớp không còn phù hợp khi đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên. Các giảng viên phải linh hoạt nhận ra điều này để cải tiến hoạt động giảng dạy của mình nhằm nâng cao chất lượng học tập cho sinh viên.

Vai trò và trách nhiệm của giảng viên ngày nay bao gồm những yêu cầu như một chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình, một người điều phối, hướng dẫn học tập, thiết kế chương trình đào tạo và nội dung môn học, người tư vấn cho sinh viên cũng như kiểm tra đánh giá hiệu quả giảng dạy (Tigelaar, 2004). Với vai trò nhà thiết kế, giảng viên phải dựa vào những đặc điểm của sinh viên để đưa ra những tài liệu, bài giảng kích thích được tính ham học hỏi, giúp sinh viên phát huy dần khả năng tự học, tự nghiên cứu của mình. Trong vai trò tư vấn, giảng viên phải đưa ra được những nhận xét và lời khuyên kịp thời, có tính cách xây dựng; và nếu là một nhà quản lý, đánh giá giáo dục thì giảng viên phải biết cách thiết kế bài kiểm tra phù hợp với yêu cầu, mục đích và kết quả học tập của sinh viên bên cạnh yêu cầu đánh giá sinh viên và đồng nghiệp một cách công bằng, chính xác (Knight, 2002; Ramsden, 2003).

Giảng viên giỏi cũng cần phải có năng lực tổ chức. Nói cách khác, họ phải biết cách tổ chức công việc của chính mình cũng như giao tiếp và cộng tác với đồng

nghiệp để cùng nhau nâng cao tay nghề, cải tiến chất lượng giảng dạy. Giảng viên giỏi còn phải có nhân cách đặc trưng, thích hợp với nghề giáo như lòng yêu nghề, nhiệt tình, nhạy cảm, mềm dẻo, hòa đồng, kiên nhẫn và bình tĩnh khẳng định chính tính cách của giảng viên mới là quan trọng đối với hiệu quả giảng dạy chứ không phải chỉ có khả năng sư phạm hay những yêu cầu chuyên môn khác. Tính cách đó bao hàm cả quan điểm về nghề nghiệp: cách giảng viên tự đánh giá mình, những giá trị, nguyên tắc giáo dục mà mình tuân theo. Tóm lại, yêu cầu về năng lực cũng như chất lượng giảng dạy rất đa dạng và phức tạp đến mức đã có người cho rằng *“không có những qui tắc dạy tốt nói chung, vì mỗi giảng viên giỏi có cách dạy riêng của họ đến mức có bao nhiêu giảng viên giỏi thì có bấy nhiêu cách dạy tốt tương ứng”* Polya (1957 - Trích trong 10). Tuy nhiên, vẫn có những nền tảng chung, đó là giảng viên giỏi là những người có kiến thức chuyên môn, có khả năng sư phạm, có phẩm chất đạo đức.

4. Xây dựng mô hình người giảng viên đại học Việt Nam trong thời đại internet

4.1. Giảng viên phải người có đạo đức, là nhà mô phạm

Người giảng viên trước hết phải là người có đạo đức, đức tính đó thể hiện qua việc giảng viên phải biết vì sinh viên của mình. Giảng viên muốn có kiến thức chuyên môn phải rèn luyện mình, cập nhật kiến thức một cách toàn diện để có đủ bản lĩnh thực hiện vai trò chủ đạo của mình với tư cách là chủ thể của hoạt động sư phạm nói chung và hoạt động giảng dạy nói riêng. Giảng viên cần có vốn sống, kinh nghiệm xã hội phong phú để tiếp cận và “chinh phục” những sinh viên - những người có nhiều hoài bão nhất. Ví dụ, ngành ICT là một ngành đặc trưng cho kinh tế tri thức với tốc độ thay đổi rất nhanh, vì vậy trách nhiệm của nhà trường,

của người thầy là đào tạo sinh viên khi ra trường có thể thích ứng với sự thay đổi này. Bởi thế đạo đức của người thầy phải thể hiện là biết nhận rõ về vị trí, vai trò đặc biệt của mình trong ngành này. Trong hệ thống Aptech, mỗi giảng viên phải thi mỗi quý một lần bởi vì những gì thuộc chương trình năm trước có thể không còn trong năm nay. Giảng viên dạy ICT nếu kiêu ngạo tuyên bố "tôi là chuyên gia chỉ một lĩnh vực" thì rất nhanh chóng sẽ thất nghiệp khi môn học đó không còn được đưa vào chương trình nữa.

Giảng viên phải có kiến thức về môi trường giáo dục, hệ thống giáo dục, mục tiêu giáo dục, giá trị giáo dục..., đây có thể coi là khối kiến thức cơ bản nhất làm nền tảng cho các hoạt động dạy và học. Chỉ khi mỗi giảng viên hiểu rõ được các sứ mệnh, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chính của hệ thống giáo dục và môi trường giáo dục, việc giảng dạy mới đi đúng định hướng và có ý nghĩa xã hội. Sự quên lãng, hay không nắm chắc những giá trị gốc của một nền giáo dục, dẫn đến những lệch lạc trong văn hóa giáo dục. Từ chuyện quay cóp trong thi cử, vi phạm bản quyền trong học tập và nghiên cứu, tính phi dân chủ trong khoa học đến thái độ học tập và thái độ ứng xử công dân trong cuộc sống đều không được truyền thông đầy đủ và khắc họa đúng mực. Thực tế giảng viên đại học không trực tiếp dạy đạo đức nhưng phải xác lập được cho sinh viên nhận thức đúng đắn về các giá trị gốc của giáo dục và đạo đức, mà cụ thể là đạo đức trong từng nghề nghiệp cụ thể. Bên cạnh những lợi ích hết sức to lớn của Internet đối với giáo dục và đào tạo, cũng còn có những mặt trái, ví dụ "đạo văn" thời đại Internet khá dễ dàng, thậm chí có thấy làm nghiên cứu sinh còn "đạo văn" cả luận án tiến sĩ mà hội đồng không biết.

Mặt khác, kiến thức về hệ thống giáo dục, sứ mệnh và các mục tiêu giáo dục còn

là kim chỉ nam cho giảng viên trong việc soạn bài giảng, giáo trình, lựa chọn phương pháp giảng dạy cho những đối tượng người học khác nhau. Giảng viên và người học đều bình đẳng trước pháp luật, trước các qui chế, nội qui, qui định, trước tất cả các văn bản pháp qui về giáo dục. Giảng viên cần tôn trọng những suy nghĩ, tình cảm, ý kiến, ý định, nguyện vọng... của người học. Để giúp sinh viên học theo phương pháp: lấy người học làm trung tâm, người thầy phải đổi mới phương pháp giảng dạy, phải chuẩn bị các nội dung hướng dẫn tự học cho sinh viên, giúp tìm kiếm tài liệu và cuối cùng là phải theo dõi, kiểm tra kết quả tự học của sinh viên. Người thầy như vậy không chỉ cần đến trình độ mà còn cần có tâm huyết với nghề, với học trò. Nếu "ura nân" hoặc chỉ nghĩ đến thù lao, phong bì thì không thể làm được.

4.2. Giảng viên phải luôn tự làm mới mình để đáp ứng tốc độ phát triển của ICT

Không thể có một lớp học điện tử khi mà người thầy không thể vào mạng và sử dụng máy tính để soạn bài giảng điện tử. Muốn đổi mới phương pháp giáo dục theo kịp sự phát triển của ICT, người giảng viên phải đổi mới tư duy về công việc dạy học và luôn luôn cập nhật thông tin để nâng cao kiến thức, thuần thục các kỹ năng truyền thụ qua những bài giảng. Bồi dưỡng những năng lực dạy học theo phương pháp mới, nhận thức đúng đắn về đổi mới dạy học để đáp ứng những yêu cầu của việc sử dụng phương tiện dạy học hiện đại. Một giảng viên ở ĐH trong thời đại ICT "phải làm chủ được môi trường ICT". Ví dụ, xây dựng phòng thí nghiệm ảo, phòng thực hành ảo, giáo trình điện tử..., biết khai thác phần mềm, các thông tin khác từ mạng để thiết kế bài giảng điện tử, biết quản lý khai thác mạng viễn thông. Trong lĩnh vực ICT, do tiến bộ ICT quá nhanh, nếu giảng viên nào

chỉ “trung thành” với giáo trình môn học sẽ không bắt kịp với công nghệ mới để đưa vào trong bài giảng, và kiến thức giảng dạy có thể sẽ lạc hậu hơn truy cập của sinh viên trên mạng!

4.3. Giảng viên - người nghệ sĩ trên bục giảng, người “truyền lửa” cho sinh viên

Tính nghệ thuật của việc dạy đại học thể hiện ở năng lực truyền đạt của giảng viên làm sao cho khơi dậy được tiềm năng tiếp thu, phát triển và sáng tạo của người học để nhận thức, để cảm nhận và để có kỹ năng cao. Nếu nắm vững tính khoa học và nghệ thuật của việc dạy học, giảng viên sẽ dạy cho sinh viên có được các bậc nhận thức, bậc cảm nhận hay bậc kỹ năng cao và giáo viên đó sẽ có chất lượng giảng dạy cao. Giảng viên luôn tìm cái mới để truyền nhiệt huyết cho bài giảng. Người thầy giỏi là người biết giới thiệu một vấn đề khó hiểu thành một vấn đề dễ hiểu và phải phát huy tính chủ động của sinh viên.

Giảng viên phải tạo bầu không khí trong lớp học luôn sống động, luôn khích lệ người học cùng tham gia thảo luận, thậm chí có thể để người học cùng tranh luận với thầy trong môi trường mà người học luôn khao khát biết cái mới, khám phá cái mới và được ứng dụng cái mới. Người thầy hướng dẫn sinh viên học theo phương pháp tương tác sẽ giống như người hướng dẫn chương trình (MC) trên truyền hình như Lại Văn Sâm hay Tạ Bích Loan... Người thầy hướng dẫn sinh viên tìm kiếm tri thức phải như là người nghệ sĩ trên bục giảng “truyền lửa” lòng nhiệt tình cho sinh viên. Muốn hấp dẫn sinh viên phải hấp dẫn chính mình trước. Người thầy phải chủ động hướng dẫn sinh viên thảo luận sôi nổi, sao cho việc học trở nên hấp dẫn thoải mái giống như một buổi tọa đàm về nghệ thuật, lúc đó việc tiếp thu của sinh viên sẽ trở nên tự nhiên, nhẹ nhàng khác hẳn với cách dạy nhồi nhét kiến

thức trước đây. Khi đưa một sinh viên lên thuyết trình, giảng viên sẽ cùng sinh viên khác trong lớp lắng nghe, sang phần thảo luận, các sinh viên sẽ đặt câu hỏi. Những câu hỏi của sinh viên đưa ra nếu sinh viên thuyết trình không trả lời đúng, hoặc không trả lời được, lúc này giảng viên phải xác định vị trí của người thầy qua việc phân tích cách trả lời của sinh viên đúng hay sai, đây chính là điều kiện để thể hiện đẳng cấp cao hay thấp của giảng viên đối với sinh viên. Nếu không có sinh viên nào nêu câu hỏi hoặc các câu hỏi không đúng trọng tâm của bài học, trong trường hợp này giảng viên lại phải đóng vai là sinh viên để hỏi sinh viên thuyết trình những câu hỏi đã chuẩn bị trước trong giáo án.

4.4. Giảng viên - nhà giáo

Một giảng viên toàn diện là người có (được trang bị) bốn nhóm kiến thức/kỹ năng sau:

- Kiến thức chuyên ngành: kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành và các môn học mà mình giảng dạy.

- Kiến thức về chương trình đào tạo: để đảm bảo tính liên thông, gắn kết giữa các môn học, giảng viên phải được trang bị (hoặc tự trang bị) các kiến thức về chương trình giảng dạy. Nhóm kiến thức này quan trọng vì nó cho biết vị trí của chúng ta trong bức tranh tổng thể, nó cung cấp thông tin về vai trò, sự tương tác giữa một chuyên ngành với các chuyên ngành khác trong cùng một lĩnh vực, kể cả giữa các chuyên ngành trong các lĩnh vực khác nhau.

Xu hướng đào tạo đại học hiện nay là đào tạo chuyên sâu kết hợp với cung cấp tư duy liên ngành, đa ngành, đa lĩnh vực (và đa văn hóa) vì chính những kiến thức này sẽ giúp người lao động thích nghi tốt trong các bối cảnh làm việc nhóm, dự án – mà ở đó họ sẽ phải cộng tác với các cá nhân từ các chuyên ngành rất khác biệt để cùng nhau

giải các bài toán đa lĩnh vực.

- Kiến thức và kỹ năng về dạy và học: bao gồm khối kiến thức về phương pháp luận, kỹ thuật dạy và học nói chung và dạy/học trong từng chuyên ngành cụ thể. Bên cạnh phương pháp chung thì mỗi chuyên ngành (thậm chí từng môn học hoặc cùng môn học nhưng khác đối tượng học) đều có những đặc thù riêng biệt đòi hỏi phải có những phương pháp tiếp cận khác nhau.

Hiện nay chúng ta đang coi thường khối kiến thức này. Quan sát cho thấy nội dung và phương pháp giảng dạy của bản thân nhóm môn học này cũng đã khá cổ điển, không được thường xuyên cập nhật và xa rời thực tiễn giảng dạy đại học nói chung và giảng dạy trong từng chuyên ngành nhỏ nói riêng. Để thay đổi diện mạo và chất lượng dạy và học hiện nay ở các trường đại học, cần đầu tư nhiều hơn để nâng cấp phương pháp và kỹ thuật giảng dạy của giảng viên.

4.5. Giảng viên – nhà khoa học

Giảng viên thực hiện vai trò nhà khoa học là giải thích và dự báo các vấn đề của tự nhiên và xã hội mà loài người và khoa học chưa có lời giải. Nghiên cứu khoa học, tìm cách ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn đời sống và công bố các kết quả nghiên cứu cho cộng đồng (cộng đồng khoa học, xã hội nói chung, trong nước và quốc tế) là ba chức năng chính của một nhà khoa học. Nghiên cứu khoa học phải đi kèm với công bố kết quả nghiên cứu. Điều này có hai ý nghĩa. Thứ nhất, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành uy tín chính là thước đo chất lượng có ý nghĩa nhất đối với một công trình nghiên cứu. Thứ hai, chỉ khi được công bố rộng rãi và đi vào ứng dụng, nghiên cứu khoa học mới hoàn thành sứ mệnh xã hội của mình.

Trường đại học phải song hành bằng cả hai chân – giảng dạy, học tập và nghiên

cứu, triển khai khoa học. Đã là một nhà giáo đại học, không có trọng trách nào hơn là phải kiên trì rèn luyện vì cái tâm lớn và tầm trí tuệ cao để làm tốt cả hai nhiệm vụ song hành đó. Ngay việc học và dạy ở đại học cũng phải gắn với nghiên cứu và triển khai khoa học thì giáo dục đại học mới đạt được chuẩn và chất lượng cần có để đáp ứng yêu cầu của xã hội. Học và dạy mà không gắn với nghiên cứu triển khai khoa học thì chỉ có thể học và dạy theo những bài giảng cũ kỹ, lạc lõng với cuộc sống. Có nhiều tổng kết cho rằng, đối với không ít lĩnh vực học thuật, trong năm, mười năm nếu không được bổ sung, cập nhật từ những kết quả nghiên cứu khoa học thì bài giảng không còn nguyên giá trị, trở thành “quá đát”. Cứ bằng lòng với những bài giảng “quá đát” đó, rồi đem ra dạy và học, thậm chí đọc chép và cứ lặp đi, lặp lại mãi như vậy thì còn gì là sự năng động của giáo dục đại học. Đã có không ít cảnh báo về “hiểm họa” thầy trở thành “máy giảng”, trò trở thành “máy chép, đọc và học thuộc” nếu không thay đổi cách học và dạy tách rời với nghiên cứu và triển khai khoa học ở đại học.

4.6. Quốc tế hóa giảng viên đại học

Một yếu tố quan trọng phải được đưa vào mô hình người giảng viên đại học là yếu tố quốc tế hóa. Vai trò của các giảng viên đại học sẽ không còn giới hạn trong phạm vi quốc gia, mà tầm hoạt động phải hướng đến một không gian toàn cầu, phi biên giới. Trong thời đại thông tin, người thầy không thể vừa là nhà giáo, vừa là nhà khoa học... như mô hình trên nếu không có trình độ tiếng Anh để giao tiếp với các đồng nghiệp trên toàn thế giới. Không thể chấp nhận giảng viên đại học khi đi dự hội nghị khoa học quốc tế lại phải nghe qua phiên dịch hoặc không có khả năng viết bài báo khoa học bằng tiếng Anh.

Kết luận

Dù ICT có phát triển đến mức nào đi nữa cũng không có phương tiện gì có thể thay thế được con người. Tuy nhiên, với cơ cấu tổ chức lớp học theo hình thức mới, để có thể hoà nhập vào thế giới công nghệ thông tin đang bùng nổ rộng khắp, các giáo viên cần và nên bổ sung các kỹ năng hỗ trợ giảng dạy tương ứng khác.

Giảng viên đại học hiện nay không còn là người truyền thụ kiến thức mà là người hỗ trợ sinh viên tìm chọn và xử lý thông tin. Giảng viên biết dạy sinh viên các cách chiếm lĩnh kiến thức thay thế cách truyền thụ các kiến thức. Vị trí của giảng viên đại học không phải được xác định bằng sự độc quyền về thông tin và tri thức có tính đẳng cấp, mà bằng trí tuệ và sự từng trải của mình trong quá trình dẫn dắt sinh viên tự học, tạo cho sinh viên có tính chủ động của người học. Vị trí của giảng viên đại học trong thời đại thông tin có giữ vững được hay không phụ thuộc vào sự phấn đấu của bản thân từng giảng viên để đáp ứng yêu cầu của thời đại mới. Giảng viên phải rèn luyện mình, cập nhật kiến thức một cách toàn diện để có đủ bản lĩnh thực hiện vai trò chủ đạo của mình với tư cách là chủ thể của hoạt động sư phạm nói chung và hoạt động giảng dạy nói riêng.

Tài liệu tham khảo

1. Ngô Tứ Thành (2008) “Đổi mới giáo dục theo kịp phát triển ICT”, Tạp chí thông tin kinh tế bưu điện, N. 3

2. Hoàng Tụy (2005) “Người thầy trong nhà trường hiện đại” <http://vietsciences.free.fr>

28/02/2005.

3. Nguyễn Thúc Hải (2004) “Hướng tới một xã hội học tập qua giáo dục điện tử”. Tạp chí Tia sáng tháng 4/2004

4. Lâm Quang Thiệp (2000) “Việc dạy và học đại học và vai trò của nhà giáo đại học trong thời đại thông tin”. Kỷ yếu hội thảo “nâng cao chất lượng đào tạo” toàn quốc lần I tại ĐHQGHN, 5/2000.

5. Bain. K. “What the best college teachers do”. Cambridge, Mass. Harvard University Press. 2004.

6. Kolis, M. & Dunlap, W.P. (2004). “The Knowledge of Teaching: the 3K3P Model.” Reading Improvement, Summer 2004; 41, 2, ProQuest Education Journal, pp. 97-107.

7. Tigelaar (2004). “The development and validation of a framework for teaching competencies in higher education”. Higher Education, 48 (2): 253-268.

8. Knight, P.T. (2002). “Being a Teacher in Higher Education”. The Society of Research into Higher Education & Open University Press.

9. Ramsden, P. (2003). “Learning to Teach in Higher Education”. London and New York: RoutledgeFalmer.

10. Hativa, N., Barak, R. & Simhi, E. (2001). “Exemplary university teachers: Knowledge and beliefs regarding effective teaching dimensions and strategies”. The Journal of Higher Education 72 (6): 699-729.

11. Vũ Thế Dũng (2004) “Giảng viên = nhà giáo + nhà khoa học + nhà cung ứng dịch vụ” Báo tuổi trẻ online 27/11/2004.